

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐ ; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Sinh học.

Chuyên ngành: Động vật học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Nguyễn Đình Tứ**

2. Ngày tháng năm sinh: 06/07/1978; Nam ☒ ; ☐ Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh.

Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường: 233, ngõ Quan Thổ I, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: 1410-CT1B. KĐT Nghĩa Đô, Cổ Nhuế 1. Bắc Từ Liêm. Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0904080131; E-mail: ngdtu@yahoo.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

➤ Từ tháng 11 năm 2006 đến tháng 11 năm 2016: Nghiên cứu viên tại Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.

➤ Từ tháng 1 năm 2017 đến nay: Nghiên cứu viên chính tại Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng phòng Tuyển trùng học; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng phòng Tuyển trùng học

Cơ quan công tác hiện nay: Phòng Tuyển trùng học, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Địa chỉ cơ quan: 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 0243. 38360169

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học:

- 1) Trường Đại học Phenikaa.
- 2) Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
- 3) Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên
- 4) Học Viện Khoa học và Công nghệ.
- 5) Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.
- 6) Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội.
- 7) Trường Đại học Y Vinh.

8. Đã nghỉ hưu: chưa

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

- 1) Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
- 2) Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái nguyên.
- 3) Học Viện Khoa học và Công nghệ
- 4) Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.
- 5) Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội.
- 6) Đại học Y Vinh,

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 23 tháng 06 năm 2000; số văn bằng: C217266; ngành: Sinh học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học khoa học Tự nhiên, Việt Nam
- Được cấp bằng ThS ngày 21 tháng 09 năm 2004; số văn bằng:; ngành: Sinh học; chuyên ngành: Tuyến trùng; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học tổng hợp Gent, Vương Quốc Bỉ
- Được cấp bằng TS ngày 28 tháng 10 năm 2009; số văn bằng: 20038218-CDBIOL000102; ngành: Sinh học; chuyên ngành: Tuyến trùng; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học tổng hợp Gent, Vương Quốc Bỉ

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Khoa học và công nghệ, Viện Hàn lâm KHCNVN.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Phân loại (hình thái và kỹ thuật phân tử) và sinh thái học quần xã Tuyến trùng sống tự do ở nước ngọt và biển.
- Sử dụng các sinh vật đáy cỡ trung bình, đặc biệt là tuyến trùng như một sinh vật chỉ thị để đánh giá chất lượng môi trường nước sinh học nội địa.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn chính: 04 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **03** đề tài NCKH (**02** đề tài Song phương Việt – Bỉ: NAFOSTED – FWO, cấp Nhà nước và **01** đề tài hợp tác quốc tế Việt – Nga, cấp VAST);
- Đã công bố **84** bài báo khoa học, trong đó **32** bài báo quốc tế đăng trên tạp chí **thuộc danh mục ISI** (ứng viên là **tác giả chính của 09** bài báo, trong số đó **08** bài công bố là tác giả chính sau khi bảo vệ tiến sĩ);
- Số lượng sách đã xuất bản **01**, trong đó là đồng tác giả cuốn sách chuyên khảo của NXB KHTN và CN;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- ✓ Chiến sĩ thi đua cấp Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật năm 2014
- ✓ Chiến sĩ thi đua cấp Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật năm 2016.
- ✓ Có thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học năm 2020.
- ✓ Có thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học năm 2021.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

✓ Có thành tích xuất sắc trong công tác công đoàn năm 2021.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Theo Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ, tôi tự nhận thấy có phẩm chất, đạo đức, những kết quả trong nghiên cứu khoa học và đào tạo phù hợp với tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 06 năm (từ năm 2016 – 2022).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
03 năm học đầu								
1.	2016 - 2017					58,5+ 76 + 39 = 173,5 giờ		173,5/173,5/135
2.	2017 - 2018			2 x 70 = 140 giờ		75 giờ	45 x 2,0 + 45 x 1,6 = 162 giờ	237/377/135
3.	2018 - 2019				3 x 18 = 54 giờ	90 giờ		90/144/135
03 năm học cuối								
4.	2019 - 2020				1 x 25 = 25 giờ		45 x 1,5 = 67,5 giờ	67,5/92,5/135
5.	2020 - 2021			1 x 23,5 = 23,5 giờ		45 giờ	45 x 1,6 = 72 giờ	117/140,5/135
6.	2021 - 2022			1 x 17,5 + 1 x 46,5 = 64 giờ		60 + 15 = 75 giờ	8 x 1,5 = 12 giờ	83/151/135

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ và luận án TS ☒ tại nước: Vương quốc Bỉ năm 2004 (ThS) và năm 2009 (TS).

4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ..đến..	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV CH	Chính	Phụ			
1.	Nguyễn Thị Lan Anh		x	x		2017 - 2018	Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật Đại học Thái Nguyên	Quyết định 222/QĐ-STTNSV ngày 30/03/2018 về việc công nhận tên đề tài luận văn thạc sĩ và cán bộ hướng dẫn học viên cao học
2.	Phạm Thị Mận		x	x		2017 - 2018		QĐ số 874/QĐ-ĐHTN ngày 04/06/2019 về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ
3.	Ngô Văn Minh		x		x	2020 - 2021	Trường Đại học Khoa học Đại học Thái Nguyên	Quyết định 1324/QĐ-ĐHKH ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc cử cán bộ hướng dẫn và giao đề tài luận văn thạc sĩ, ngành Quản lý Tài nguyên & Môi trường, khóa 2019- 2021 (đợt 1) Quyết định 1576/QĐ-ĐHKH ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ đợt 1 năm 2021.
4.	Phạm Ngọc Tú		x	x		2021 - 2022		Quyết định 1324/QĐ-ĐHKH ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc cử cán bộ hướng dẫn và giao đề tài luận văn thạc sĩ, ngành Quản lý Tài nguyên & Môi trường, khóa 2019 – 2021 (đợt 1) Quyết định 310/QĐ-ĐHKH ngày 31 tháng 03 năm 2022 về việc

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ..đến..	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV CH	Chính	Phụ			
								công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sỹ đợt 2 năm 2021.
5.	Nguyễn Kiều Hoa		x	x		2021 - 2022		Quyết định 1863/QĐ-ĐTHHN ngày 04 tháng 05 năm 2021 về việc giao đề tài và cử cán bộ hướng dẫn luận văn thạc sỹ cho học viên cao học khóa: CH3A9 2017 – 2019); CH4B (2018 – 2020); CH5B (2019-2021) Quyết định 1855/QĐ-TĐHHN ngày 23 tháng 05 năm 2022 về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sỹ đợt 2 năm 2022 cho học viên cao học khóa CH4 và CH5.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Động vật đáy hệ sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ	CK	NXB KHTN và CN năm 2014	6	Đồng tác giả	29 - 173	QĐ số 845/QĐ – HVKHCN ngày 28/5/2021 của Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Đề tài: Sử dụng phương pháp Metagenetic (nghiên cứu hệ gen) trong nghiên cứu đa dạng tuyến trùng sống tự do ở Việt Nam	Chủ nhiệm	Mã số: FWO.106- NN.2015.04 Cấp quản lý: Quốc gia	2016 - 2018	Giấy chứng nhận Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước số 2015-48-309/KQNC ngày 12/05/2015 Kết quả: Đạt
2	Đề tài: Nghiên cứu đa dạng quần xã Động vật đáy không xương sống cỡ trung bình, tập trung nghiên cứu về phân loại, địa động vật, sinh thái học và sinh học sinh sản của tuyến trùng biển sống tự do tại vùng biển ven bờ Việt Nam	Chủ nhiệm	Mã số: VAST.HTQT. NGA.09/15- 16 Cấp quản lý: VAST	2015 - 2016	QĐ số 09/QĐ – VHL ngày 04/1/2019. Kết quả: Xuất sắc
3	Đề tài: Kết hợp các tiêu chuẩn hình thái và sinh học phân tử để nghiên cứu đa dạng Tuyến trùng ở rừng ngập mặn Cần Giờ, Việt Nam	Chủ nhiệm	Mã số: FWO.2011.15 Cấp quản lý: Quốc gia	2012 - 2014	Giấy chứng nhận Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước số 2020-48-676/KQNC ngày 17/07/2020 Kết quả: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
A	Tạp chí quốc tế thuộc danh sách ISI (SCI và SCIE)							
1.	Multiplex PCR assay for malaria vector <i>Anopheles minimus</i> and four related species in the Myzomyia Series from Southeast Asia.	8		Medical and Veterinary Entomology E- 1365-2915	SCI – E IF: 1.03 Q1	98	17, 423 – 428	2003
2.	Three new species of free - living nematodes from freshwaterbodies of Vietnam (Nematoda: Araeolaimida).	3		Zoosystematica Rossica 0320-9180 E- 2410-0226	SCI – E IF: 0.46 Q2	16	12 (1): 7 - 14	2003
3.	Meiobenthos in Estuary Part of Ha Long Bay (Gulf of Tonkin, Vietnam).	4		Ocean Science Journal 1738-5261 E- 2005-7172	SCI – E IF: 0.29 Q3	20	43(3): 153 - 160	2008
4.	New genus <i>Asymmelaimus</i> gen. n., sp. n. and new marine nematode species of the subfamily Dorylaimopsinae de Coninck, 1965 (Comesomatidae Filipjev, 1918) from Halong Bay, Vietnam.	4	TGC	Russian Journal of Nematology 0869-6918	SCI – E IF: 0.17 Q4	9	16 (1): 7 - 16	2008
B	Tạp chí quốc gia							

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
5.	Đa dạng sinh học Tuyến trùng biển ven bờ các tỉnh miền Trung Việt Nam.	3		Tạp chí Sinh học 0866-7160		1	24 (3): 9 - 14	2002
6.	Đa dạng sinh học của Giun tròn (Tuyến trùng) ở vùng nước ven bờ Vịnh Hạ Long và khả năng ứng dụng chúng trong sinh quan trắc môi trường	2		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển 1859 3097			3 (2): 51 - 63	2003
7.	Cấu trúc nhóm động vật đáy không xương sống - meiofauna và ứng dụng chỉ số đa dạng sinh học Tuyến trùng trong đánh giá môi trường tại vùng cửa sông ven biển tỉnh Bình Định.	3	TGC	Tạp chí khoa học và Công nghệ Biển 1859 3097			2: 83 - 97	2007
8.	Two new marine nematode species of the family Comesomatidae Filipjev, 1918 (Nematoda: Chromadorida) from Halong Bay, Vietnam.	4	TGC	Journal of Biology 0866-7160			30(1): 12 - 21	2008
C Kỷ yếu hội thảo quốc tế, quốc gia								
9.	Một số kết quả nghiên cứu ban đầu về nhóm Động vật không xương sống cỡ trung bình và Tuyến trùng biển tại vịnh Văn Phong-Khánh Hoà.	2	TGC	Báo cáo khoa học về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ I			885 - 892	2005

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
10.	Về cấu trúc dinh dưỡng và độ đa dạng của quần xã Tuyến trùng ở biển ven bờ tỉnh Khánh Hoà.	3	TGC	Báo cáo khoa học về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ I			893 - 901	2005
11.	Về thành phần loài Giáp xác chân chèo đáy (Harpacticoida) tại rừng ngập mặn Cần Giờ - Thành phố Hồ Chí Minh.	3	TGC	Báo cáo khoa học về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ II			614 - 619	2007
12.	Về thành phần loài Tuyến trùng ở Rừng ngập mặn Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh	4		Báo cáo khoa học về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ II			550 - 558	2007
II	Sau khi được công nhận TS							
A	Bài báo quốc tế uy tín							
13.	Six new species of the genus <i>Oryx</i> Cobb, 1891 (Nematoda: Desmodoridae) from coastal areas in Vietnam.	4	TGC	Russian Journal of Nematology 0869-6918	SCI – E IF: 0.17 Q4	11	19(1): 1 - 20	2011
14.	Two new species of the genus <i>Trissonchilus</i> (Nematoda, Enoplida, Ironidae) from the Red river mouth in Vietnam.	4		Zoologichesk y zhurnal 0044-5134	SCI – E IF: 0.19 Q4	5	91(2): 236 - 241	2012
15.	<i>Paracomesoma paralongispiculum</i> sp. n.: a new species of Nematode from mangroves of Can	5	TGC	Russian Journal of Marine Biology	SCI – E IF: 0.24 Q4	4	39(2): 143 - 147	2013

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Gio (Vietnam) and taxonomy of the genus <i>Paracomesoma</i> Hope et Murphy, 1972 (Nematoda: Araeolaimida).			1063-0740 E- 1608-3377				
16.	A review of the genus <i>Litinium</i> Cobb, 1920 (Nematoda: Enoplida: Oxystominidae) with descriptions of four new species from two contrast habitats.	3		Zootaxa 1175-5326 E- 1175-5334	SCI – E IF: 0.56 Q2	10	3872 (1): 057 – 076	2014
17.	Two new species of free-living nematodes (Nematoda, Chromadorea) from mangrove thicket in Vietnam.	2		Inland water Biology 1995-0829 E- 1995-0837	SCI – E IF: 0.29 Q3	7	(4): 338 - 347	2014
18.	Two New Nematode Species of the Genus <i>Daptonema</i> Cobb, 1920 (Nematoda, Xyalidae) from Mangrove Forest Estuary of the Red River, Vietnam.	5	TGC	Inland Water Biology 1995-0829 E- 1995-0837	SCI – E IF: 0.29 Q3	10	7(2): 125 – 133	2014
19.	<i>Paracomesoma minor</i> sp. n. and <i>Microilaimus validus</i> sp. n. (Nematoda) from the coast of Vietnam.	2		Zootaxa 1175-5326 E- 1175-5334	SCI – E IF: 0.56 Q2	3	3856 (3): 366 – 374	2014
20.	Two new free-living marine nematode species from an in	3		Raffles bulletin of Zoology	SCI – E IF: 0.40 Q3	3	31(SE): 68 -	2015

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	tertidal sandy-rocky shore on Pulau Ubin, Singap ore with a key to the valid species of the genera			0217-2445			74	
21.	First ultrastructural observation of spermatozoa in a desmoscolecid nematode (Nematoda: Desmoscolecida: Desmoscolecidae).	6		Russian Journal of Nematology 0869-6918	SCI – E IF: 0.17 Q4	3	24 (2): 99 – 110	2016
22.	Description of the two new species of free-living nematodes (nematoda) from mangrove thicket in Vietnam.	2	TGC	Zoologichesk i Zhurnal 0044-5134	SCI – E IF: 0.19 Q4		8(2): 98 - 109	2016
23.	<i>Dichromadora rigida</i> sp. n. (Nematoda, Chromadorida) from mangroves in the Tien Yen river estuary, Vietnam.	3		Zoologichesk y zhurnal 0044-5134	SCI – E IF: 0.19 Q4		95(7): 779 - 787	2016
24.	Description of the new species of free- living nematodes <i>Daptonema securum</i> sp. nov. from artificial reservoirs in Vietnam	5		Zoologichesk y Zhurnal 0044-5134	SCI – E IF: 0.19 Q4		8(4): 225 - 232	2016
25.	Two new species of free-living marine nematodes (Nematoda) from an	5	TGC	Russian Journal of Marine Biology	SCI – E IF: 0.24 Q4	5	42(6): 439 –	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	area near the mouth of the Yen River of Vietnam.			1063 - 0740			448	
26.	Free-living Nematode from Mangrove forest in the Yen River Estuary (Vietnam)	2	TGC	Inland Water Biology 1995-0829 E- 1995-0837	SCI – E IF: 0.29 Q3	5	10(3): 266 - 274	2017
27.	Revision of the genus <i>Parasphaerolaimus</i> (Nematoda: Sphaerolaimidae) with description of new species.	6		Zootaxa 1175-5326 E- 1175-5334	SCI – E IF: 0.56 Q2	11	4232 (1): 058 - 070	2017
28.	<i>Bolbolaimus obesus</i> sp. n. (nematoda, desmodorida) from mangrove thickets in the Yen river estuary, Vietnam.	5		Biology Bulletin 1062-3590 E- 1608-3059	SCI – E IF: 0.21 Q3	3	44(8): 844 - 851	2017
29.	<i>Pseudolella tenuis</i> sp. n. and <i>Paracomesoma leptum</i> sp. n. (Nematoda, Araeolaimida) from Vietnam.	2		Zoologicheski Zhurnal 0044-5134	SCI – E IF: 0.19 Q4		97(7): 762 - 772	2018
30.	Two new species of nematodes of the order Chromadorida (Nematoda: Chromadorea) from Vietnam.	2	TGC	Russian journal of Marine Biology 1063 - 0740	SCI – E IF: 0.24 Q4		44(2): 86 - 95	2018
31.	Monitoring of marine nematode communities through	7		Ecological Indicators	SCI – E IF: 1.28 Q1		107: 105554	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	18S rRNA metabarcoding as a sensitive alternative to morphology.			1470- 160X				
32.	<i>Paranticoma leptota</i> sp. n. and <i>Elzalia</i> <i>biplectinella</i> Hope & Aryuthaka, 2009 from water bodies of Vietnam.	3		Zootaxa 1175-5326 E- 1175-5334	SCI – E IF: 0.56 Q2		4571(4) : 571 – 579	2019
33.	Metabarcoding free- living marine nematodes using curated 18S and CO1 reference sequence databases for species- level taxonomic assignments.	12		Ecology and Evolution 2045-7758	SCI – E IF: 1.17 Q1	53	9(3): 1211 – 1226	2019
34.	Spatial and temporal changes in nematode assemblages inhabiting a seagrass biotope in the Tien Yen River estuary, Quang Ninh Province, Vietnam.	9		Russian Journal of Nematology 0869-6918	SCI – E IF: 0.19 Q3	1	28 (1), 53 – 70	2020
35.	Free-Living Nematodes from Artificial Reservoirs in Vietnam	2		Inland Water Biology 1995-0829 E- 1995-0837	SCI – E IF: 0.29 Q3	1	13(2): 131 – 140	2020
36.	Description of Two New Species of Free- Living Nematodes (Nematoda) from Vietnam	2	TGC	Inland Water Biology 1995-0829 E- 1995-0837	SCI – E IF: 0.29 Q3		13(3): 372 – 380	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
37.	Description of three new Sphaerolaimus species (Nematoda: Sphaerolaimidae) from the South China Sea	2		Zootaxa 1175-5326 E- 1175-5334	SCI – E IF: 0.56 Q2	1	4755(3): 491 - 514	2020
38.	<i>Daptonema paramonovi</i> sp. n. (Nematoda, monhysterida) from a mangrove habitat in Vietnam	3		Biology Bulletin 1062-3590 E- 1608-3059	SCI – E IF: 0.21 Q3		(48)8: 14 - 19	2021
39.	Two new species of the Order Monhystera Filipjev, 1929 (nematoda) from the Van Uc river mouth in Vietnam	2		Inland Water Biology 1995-0829 E- 1995-0837	SCI – E IF: 0.29 Q3		14(5). 517 - 572	2021
40.	Two new species of Chromadoris (Nematoda, Chromadorida) from the Water Bodies of Vietnam	3		Inland Water Biology 1995-0829 E- 1995-0837	SCI – E IF: 0.29 Q3		15(3). 238 - 248	2022
B Bài báo thuộc danh mục Scopus								
41.	<i>Adoncholaimus minor</i> sp. n. and <i>Belbolla vietnamica</i> sp. n. (Nematoda, Enoplida) from mangrove forest of the Yen river estuary in Vietnam.	2		International Journal of Nematology 1368-8774	Scopus	6	(26), 1&2: 1 - 8	2016
42.	Two new species of the genus <i>Parasphaerolaimus</i> Ditlevsen, 1918	2		Amurian Zoological Journal	Scopus		11(4): 267 -	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	(Nematoda, Monhysterida) from water bodies of northern Vietnam.			2686-9519			278	
C Bài báo tạp chí quốc gia								
43.	Kết quả nghiên cứu tình hình nhiễm giun sán và giáp xác ký sinh ở cá vùng biển Hải Phòng.	4		Tạp chí Sinh học 0866-7160			31(1): 1 - 8	2009
44.	Hiện trạng kim loại nặng trong trầm tích tại rừng ngập mặn Cần Giờ - thành phố Hồ Chí Minh.	3		Tạp chí Sinh học 0866-7160			33(3): 81 - 86	2011
45.	Two new species of the genus <i>Ptycholaimellus</i> Cobb, 1920 (Nematoda: Chromadoridae) from coastal zone of north Vietnam sea.	5		Journal of Biology 0866-7160			34(4): 408 - 413	2012
46.	Đa dạng sinh học quần xã động vật không xương sống đáy cỡ trung bình (meiofauna) tại vịnh Đà Nẵng và bán đảo Sơn Trà.	2	TGC	Tạp chí sinh học 0866-7160			34(1): 15 - 19	2012
47.	Biodiversity of littoral Macroinvertebrates in the Mekong river.	5		Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh			51: 16 - 28	2013

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
48.	Distribution pattern of free living nematode communities in the eight Mekong estuaries by seasonal factor.	5		Journal of Vietnamese environment 2193-6471			4(1): 28 - 33	2013
49.	A Supplement on molecular data for five free – living marine nematode species of the family Comesomatidae Filipjev, 1918 (Nematoda: Chromadorada) from North Vietnam.	5	TGC	Journal of Biology 0866-7160			35(3): 265 - 273	2013
50.	Khảo sát thành phần tuyến trùng ký sinh gây hại rễ cây hồ tiêu ở Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.	8		Tạp chí Bảo vệ thực vật 0868-2801			5: 3 - 8	2013
51.	Tương quan quần xã Tuyến trùng với một số yếu tố môi trường sông cửa Đại, tỉnh Bến Tre.	3		Tạp chí Sinh học 0866-7160			35(3se) : 1-7	2013
52.	Nematode communities act as bio-indicator of status and processes of an agricultural soil ecosystem in Thanh An, Binh Phuoc province.	7		Journal of Vietnamese Environment 2193-6471			6(3): 227 - 232	2015
53.	Áp dụng phương pháp sinh học phân tử để định danh tuyến trùng	2		Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm			9(87): 1	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	sống tự do, sông Sài Gòn.			thành phố Hồ Chí Minh 185 - 3100			- 9	
54.	Nghiên cứu quần xã Tuyến trùng để đánh giá chất lượng môi trường nước nhằm phục vụ lợi ích y tế cộng đồng tại huyện Tiên Yên, Quảng Ninh.	7	TGC	Y học Việt Nam 1859 - 1868			449: 89 - 95	2016
55.	Cấu trúc quần xã tuyến trùng sống tự do tại một số rừng ngập mặn cửa sông của Việt Nam.	4		Tạp chí Khoa học và công nghệ Biển 1859-3097			19(3A): 233 - 247	2019
56.	Effects of aquacultural activities on community structure of meiofauna along the Vietnamese coasts.	6		Tạp chí sinh học 0866-7160			41(2se1 & 2se2): 289 - 301.	2019
57.	Phân bố và khóa định loại các loài Tuyến trùng thuộc giống <i>Daptonema</i> Cobb, 1920 ở Việt Nam.	2	TGC	Tạp chí sinh học 0866-7160			41(1): 1 - 8	2019
58.	Ứng dụng chỉ số đa dạng sinh học và chỉ số môi trường để đánh giá chất lượng môi trường nước tại vùng biển ven bờ khu kinh tế Dung Quất, Quảng Ngãi	3		Tạp chí Tài nguyên và Môi trường 1859 - 1477			24(374): 39 - 41	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
C Kỷ yếu hội thảo quốc tế, quốc gia								
59.	Thành phần loài Tuyến trùng (Giun tròn) Biên thuộc họ Comesomatidae Filipjev, 1918 (Nematoda) ở các vùng cửa sông, biển ven bờ Việt Nam.	3		Tuyển tập Hội nghị khoa học toàn quốc về Sinh học Biển và phát triển bền vững			158 - 162	2009
60.	Thành phần Tuyến trùng biển sống Tự do ven bờ biển Trà Cổ, tỉnh Quảng Ninh.	3		Báo cáo khoa học về ST&TNSV lần thứ III			268 - 272	2009
61.	Đánh giá hiện trạng Môi trường nước Sông Hương qua nhóm sinh vật đáy cỡ trung bình.	3	TGC	Báo cáo khoa học về ST&TNSV lần thứ III			1729 - 1735	2009
62.	Đa dạng sinh học của quần xã tuyến trùng tại sông Sài Gòn – đoạn chảy qua tỉnh Bình Dương.	3		Báo cáo khoa học về ST&TNSV lần thứ IV			813 - 818	2011
63.	Preliminary research on biodiversity of free-living marine nematode community in Tra Co, Quang Ninh province, Vietnam.	3		Hội nghị khoa học và công nghệ Biển toàn quốc lần thứ V			4, 91 - 101	2011
64.	Thành phần loài Tuyến trùng sống tự do ở cửa sông và rừng ngập mặn cửa Sông Hồng.	4		Báo cáo khoa học về ST&TNSV lần thứ V NXB Nông nghiệp			702 - 709	2013

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
65.	Thành phần loài Tuyến trùng sống tự do ở Rừng ngập mặn Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh.	4	TGC	Báo cáo khoa học về ST & TNSV lần thứ V NXB Nông nghiệp			818 - 826	2013
66.	Effect of clam farming on mangrove macrobenthic communities (Xuan Thuy National Park, Northern Vietnam).	5		Proceeding of VAST-IRD symposium on marine science NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ			117 - 124	2013
67.	Effect of tourism activities on meiofauna communities at Do Son beach, Hai Phong.	5		Proceeding of VAST-IRD symposium on marine science NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ			47 - 56	2013
68.	Cấu trúc quần xã Tuyến trùng sống tự do tại các thảm cỏ biển ở huyện Cát Hải, Hải Phòng.	4	TGC	Hội nghị khoa học toàn quốc về ST&TNSV lần thứ 6			387 - 391	2015
69.	Nematode diversity patterns at different spatial scales in the Tien Yen estuary, Quang Ninh province.	4		Hội nghị khoa học toàn quốc về ST&TNSV lần thứ 6			786 - 792	2015
70.	Molecular identification of free-living marine nematode species of the families desmodoridae and	4		Hội nghị khoa học toàn quốc về ST&TNSV lần thứ 6			793 - 799	2015

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Microlaimidae (Nematoda: Desmodorida) from the Tien Yen mangrove, Quang Ninh province.							
71.	Đa dạng sinh học quần xã Tuyến trùng tại đảo Bạch Long Vĩ, Hải Phòng.	5	TGC	Hội nghị khoa học toàn quốc về ST&TNSV lần thứ 6			987 - 992	2015
72.	Bổ sung dữ liệu về tài nguyên sinh vật đảo Bạch Long Vĩ, thành phố Hải Phòng.	Nhiều		Hội nghị khoa học toàn quốc về ST&TNSV lần thứ 6			1032 - 1037	2015
73.	Tuyến trùng sống tự do trong môi trường quan với một số chỉ tiêu môi trường lý hóa của trầm tích tại ba khu vực trên sông Sài Gòn.	4		Hội nghị khoa học toàn quốc về ST&TNSV lần thứ 6			1595 - 1601	2015
74.	A comparative analysis of marine ematode community in tropical Seagrass meadows in Hai Phong and Quang Ninh province, Vietnam.	7	TGC	Processing of the 4 th International Scientific and Technical Conference "Urgent problems of the world ocean biological resources development"			30 - 40	2016
75.	Cấu trúc quần xã tuyến trùng sống tự do tại hạ lưu sông Mê	6		Báo cáo khoa học hội nghị toàn quốc lần			554 -	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Kông - đoạn chảy qua tỉnh Vĩnh Long.			thứ hai hệ thống bảo tàng thiên nhiên Việt Nam			562	
76.	Community structure and spatial distribution of marine nematodes in tropical seagrass meadows in Tien Yen District, Quang Ninh province, Vietnam.,	7	TGC	Proceeding of Anniversary Scientific workshop “Progress and trends in Science and Technology”			422 - 430	2016
77.	Đa dạng thành phần loài tuyến trùng tự do ở các thủy vực nước ngọt tại tỉnh Đồng Nai.	5	TGC	Hội nghị Khoa học toàn quốc về ST&TNSV lần thứ 7			497 - 504	2017
78.	Cấu trúc quần xã tuyến trùng sống tự do tại rừng ngập mặn bị đốn tía thuộc Vườn quốc gia Xuân Thủy, tỉnh Nam Định,	4		Hội nghị Khoa học toàn quốc về ST&TNSV lần thứ 7			876 - 882	2017
79.	Nematode community for different zones in Cangio Biosphere Reserve, Vietnam.	6	TGC	Far Eastern State Technical University Fishery University Conference			51 - 59	2017
80.	The investigating situation of marine nematodes of the genus <i>Daptonema</i> Cobb, 1920 in	4	TGC	Proceedings of the 5th International Scientific and Technical			220 - 227	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	mangrove and estuary ecosystems of Vietnam coastal sea.			Conference Vladivostok				
81.	Khóa định loại các loài Tuyến trùng biển thuộc giống <i>Pseudolella</i> Cobb, 1920 (Axonolaimidae, Nematoda).			Tuyển tập báo cáo khoa học diễn đàn khoa học toàn quốc về Sinh học Biển và phát triển bền vững. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ.			187 - 194	2019
82.	Khóa định loại các loài Tuyến trùng biển thuộc giống <i>Tripoloides</i> de Man, 1886 (Tripilidae, Nematoda).	3	TGC	Tuyển tập báo cáo khoa học diễn đàn khoa học toàn quốc về Sinh học Biển và phát triển bền vững. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ.			179 - 186	2019
83.	Phân bố và khóa định loại các loài Tuyến trùng biển thuộc giống <i>Dorylaimopsis</i> Ditlevsen, 1918 ở biển ven bờ và biển Đông Việt Nam.	5	TGC	Kỷ yếu Hội nghị khoa học Viện HLKH & CNVN.			189 - 197	2020
84.	Meiobenthos as a monitoring tool: the role of seasonality	4		Proceeding of the XVII International conference MSOI- 2021			251 - 258	2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận cấp bằng TS: là **08** bài, thứ tự được sắp xếp như sau: **13, 15, 18, 22, 25, 26, 30, 36**.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: Không.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Hoạt động đào tạo

- Giờ giảng dạy:

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Năm học 2019 – 2020: thiếu 42,5 giờ chuẩn.

- Đề nghị hội đồng xem xét, áp dụng tính gấp đôi công trình quy đổi.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2022

Xác nhận của thủ trưởng cơ quan chủ quản



NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Nguyễn Đình Tứ